

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng ngay từ lúc mở cửa phiên sáng lên ngưỡng 1,760. Chỉ số sau đó giảm co cả ngày trước ngưỡng này và kết phiên tại mốc 1,753.74 điểm, tăng hơn 12 điểm so với hôm qua. Nhóm cổ phiếu Vin tiếp tục là trụ đỡ cho thị trường. 8/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản. Ở chiều ngược lại, ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn, đặc biệt bán ròng hơn 1.8 nghìn tỷ trên sàn HSX. Xu hướng phục hồi đi kèm với rủi ro tập trung, khi đà tăng điểm được thúc đẩy bởi một nhóm nhỏ cổ phiếu. Nhà đầu tư nên thận trọng theo dõi thị trường.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+12.42** điểm, đóng cửa tại **1753.74** điểm. HNX-Index **-1.97** điểm, đóng cửa tại **258.68** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+9.91)**, **VHM (+3.05)**, **SAB (+1.13)**, **VPL (+1.02)**, **GAS (+0.83)**.
- Kéo chỉ số giảm: **LPB (-1.25)**, **TCB (-0.84)**, **VCB (-0.81)**, **CTG (-0.52)**, **BID (-0.50)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,255** tỷ đồng, giảm **-9.91%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,532 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.38 điểm. Thị trường có **104** mã tăng, 42 mã tham chiếu, **217** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1881.66** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPL (-1548.89 tỷ)**, **VIC (-184.88 tỷ)**, **SSI (-167.86 tỷ)**, **GMD (-92.80 tỷ)**, **KBC (-63.33 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-45.57** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.84%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+2.80%) [\(Link báo cáo\)](#)
MBB (+0.60%) [\(Link báo cáo\)](#)
VNM (+0.16%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.77%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.93%) [\(Link báo cáo\)](#)
BVH (+6.92%)
SAB (+6.83%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.84%	-0.77%	0.71%	0.42%
1 tuần	2.22%	2.32%	3.06%	2.60%
1 tháng	4.51%	3.48%	9.67%	8.72%
3 tháng	-0.74%	-3.66%	7.11%	8.69%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,753.74	258.68	119.88
% 1D	0.71%	-0.76%	-0.51%
GTKL (tỷ VND)	17,255	1,123	380
%1D	-9.91%	-5.34%	-31.23%
GDNN (tỷ VND)	-1881.66	-45.57	-21.63

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SHB	186.33	VPL	-1548.89
MBB	160.36	VIC	-184.88
VPB	110.40	SSI	-167.86
HPG	77.91	GMD	-92.80
CTG	53.19	KBC	-63.33

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

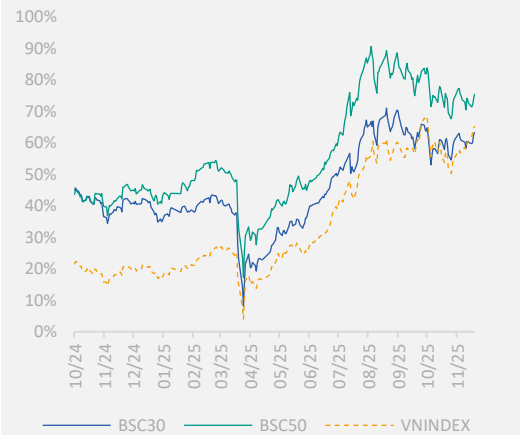
		%D	%W
SPX	6,870	0.19%	0.31%
FTSE100	9,660	-0.07%	-0.44%
Eurostoxx	5,718	-0.48%	1.04%
Shanghai	3,924	0.54%	0.26%
Nikkei	50,582	0.18%	2.55%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.55	-0.31%
Giá vàng	4,209	-0.10%
Tỷ giá		
USD/VND	26,409	0.00%
EUR/VND	31,490	-0.09%
JPY/VND	174	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.00%
LS LNH 1M	7.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

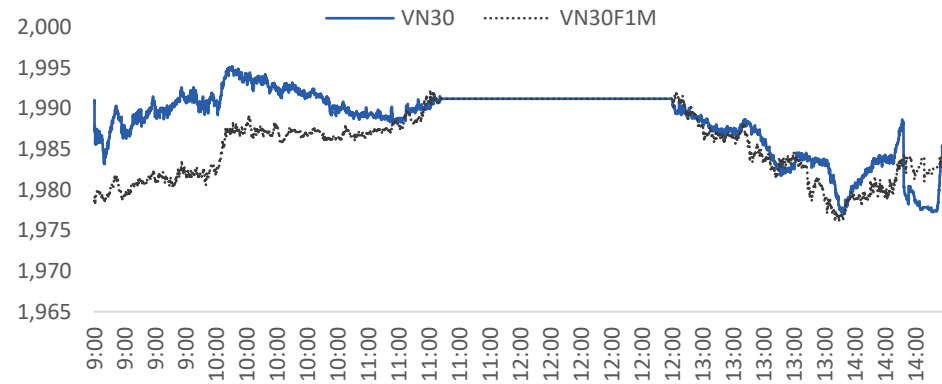
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1981.40	0.37%	619	37.9%	15/01/2026	38
41I1G6000	1975.00	0.20%	16	60.0%	18/06/2026	192
VN30F2512	1984.00	0.38%	191,932	-3.7%	18/12/2025	10
41I1G3000	1976.30	0.37%	31	181.82%	19/03/2026	101

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +8.32 điểm, đóng cửa tại 1983.82 điểm. Biên độ dao động 18.27 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, SAB, MBB, PLX tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2515	23/12/2025	15	300	-0.64%	24.00	4,370	36.6%	4.50	32.74	32.95	32.95
CVHM2515	23/12/2025	15	300	-5.64%	61.00	8,560	20.9%	9.82	103.80	110.00	110.00
CVIC2515	16/10/2026	312	201,300	18.86%	122.50	14,750	20.1%	9.98	181.50	152.70	152.70
CVIC2516	18/01/2027	406	39,900	23.17%	125.00	15,770	18.6%	10.26	188.08	152.70	152.70
CVHM2521	25/05/2026	168	5,100	114.30%	115.68	2,550	15.9%	0.00	136.08	63.50	63.50
CVIC2514	25/06/2026	199	18,300	1.04%	74.44	15,970	14.2%	16.03	154.29	152.70	152.70
CVIC2513	25/05/2026	168	4,300	7.01%	73.50	17,980	12.4%	16.16	163.40	152.70	152.70
CVIC2511	4/05/2026	147	6,200	0.14%	56.99	23,980	11.5%	24.20	152.91	152.70	152.70
CSSB2508	4/05/2026	147	3,200	34.85%	21.67	500	11.1%	0.06	23.67	17.55	17.55
CSHB2511	24/02/2026	78	16,600	17.71%	18.00	1,540	9.2%	0.73	19.54	16.60	16.60
CVIC2509	12/01/2026	35	265,700	3.86%	34.00	62,300	8.6%	59.43	158.60	152.70	152.70
CVHM2514	15/12/2025	7	246,700	-0.41%	72.00	7,510	8.4%	7.61	109.55	110.00	110.00
CVHM2519	25/05/2026	168	9,500	17.71%	108.20	3,040	7.8%	1.71	129.48	110.00	110.00
CVHM2522	25/06/2026	199	14,800	23.35%	117.69	2,250	7.7%	1.11	135.69	110.00	110.00
CVHM2512	20/05/2026	163	10,000	2.91%	58.00	13,800	7.4%	13.31	113.20	110.00	110.00
CVHM2524	18/01/2027	406	62,500	57.35%	147.00	3,260	6.5%	0.82	173.08	110.00	110.00
CVNM2522	8/06/2026	182	198,700	12.01%	57.84	1,390	5.3%	0.87	71.12	63.50	63.50
CVHM2520	23/07/2026	227	3,400	24.32%	111.90	4,970	5.1%	2.44	136.75	110.00	110.00
CVNM2513	15/12/2025	7	582,100	0.69%	58.17	1,250	5.0%	1.17	63.94	63.50	63.50
CVHM2511	13/04/2026	126	5,600	1.53%	58.00	13,420	5.0%	13.24	111.68	110.00	110.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 08/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVRE2515 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 36.56%. CVIC2509 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.21%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CFPT2503, CVRE2525, CSTB2533 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	152.70	6.93%	9.91	3.88
VHM	110.00	2.80%	3.05	4.11
SAB	53.20	6.83%	1.13	1.28
VPL	106.30	2.21%	1.02	1.79
GAS	65.40	2.19%	0.83	2.41

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	101.80	4.84%	0.68	0.23
KSF	75.60	1.61%	0.64	0.90
DTK	12.40	5.08%	0.25	0.68
DNP	21.00	6.06%	0.11	0.14
GMA	38.00	8.57%	0.04	0.02

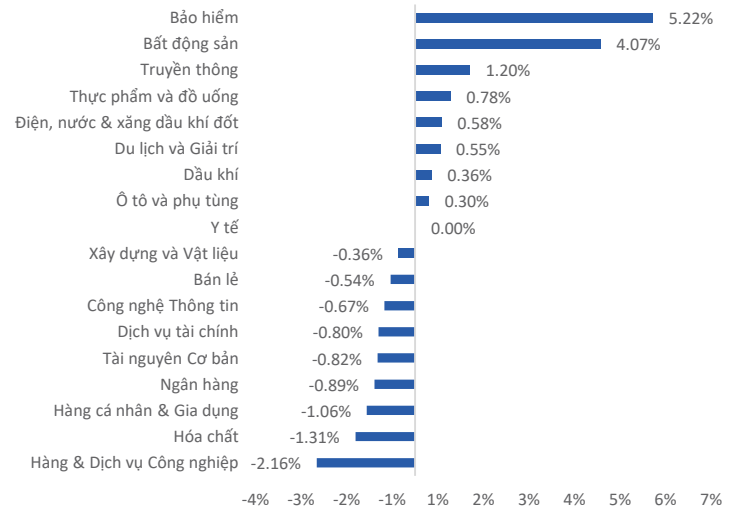
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAR	4.28	7.00%	0.01	0.82
LGL	6.27	7.00%	0.01	1.50
SVC	23.75	6.98%	0.03	0.02
ITD	16.15	6.95%	0.01	0.08
HII	9.23	6.95%	0.01	2.30

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTC	29.80	9.96%	0.05	0.02
PHN	68.00	9.68%	0.19	0.00
CTT	29.80	9.56%	0.05	0.00
DAE	13.80	9.52%	0.01	0.00
GMA	38.00	8.57%	0.25	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LPB	46.30	-3.74%	-1.25	2.99
TCB	34.20	-1.44%	-0.84	7.09
VCB	57.90	-0.69%	-0.81	8.36
CTG	51.10	-0.78%	-0.52	5.37
BID	37.50	-0.79%	-0.50	7.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	118.00	-4.84%	-0.67	0.20
SHS	21.00	-2.78%	-0.31	0.90
CEO	24.80	-2.75%	-0.23	0.57
IDC	37.70	-2.33%	-0.20	0.38
DHT	72.00	-4.76%	-0.18	0.09

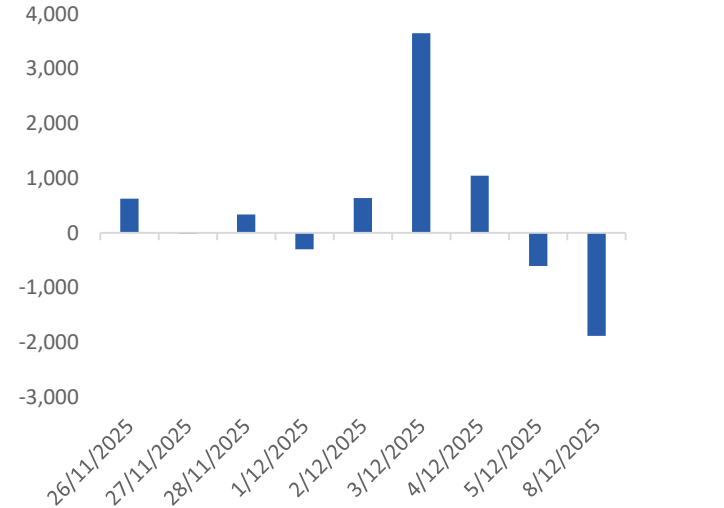
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPS	11.00	-6.78%	0.00	0.10
STG	32.65	-6.45%	-0.05	0.00
ABR	12.70	-5.93%	0.00	0.00
VAF	18.00	-5.01%	-0.01	0.01
TDW	48.00	-4.95%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTX	20.60	-9.65%	-0.05	0.01
SDU	19.70	-9.63%	-0.15	0.00
THB	8.60	-9.47%	-0.04	0.02
POT	22.80	-8.80%	-0.15	0.02
BAX	34.10	-7.59%	-0.08	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.9	-0.2%	1.1	125,521	477.7	3,955	21.5	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	34.0	-2.4%	1.3	31,973	135.6	1,872	18.1	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	33.4	-1.6%	1.1	37,482	242.4	857	39.0	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	22.1	-0.7%	1.3	21,605	156.4	211	104.5	28,200	8.7%	Link
VHM	Bất động sản	110.0	2.8%	1.3	451,815	508.7	6,133	17.9	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	95.5	-0.7%	0.9	162,685	541.2	5,280	18.1	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	14.9	-2.0%	0.0	74,609	128.5	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	31.8	-1.9%	1.4	16,263	121.7	2,841	11.2	42,800	13.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.5	-1.5%	1.3	24,299	162.5	1,380	16.3		34.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	29.4	0.1%	1.1	73,238	1091.1	1,881	15.6		32.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	33.9	-1.7%	1.1	24,460	228.0	1,589	21.3		14.7%	
DCM	Hóa chất	33.8	-1.2%	1.3	17,894	40.6	3,578	9.5	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	94.0	-1.1%	1.2	35,699	143.9	8,296	11.3	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.2	-0.6%	0.9	124,307	120.1	3,385	7.2	28,400	29.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.5	-0.8%	1.0	263,301	64.4	3,781	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	51.1	-0.8%	1.1	274,407	324.3	6,208	8.2	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	32.8	-0.6%	1.2	126,396	330.1	3,649	9.0	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	25.3	0.6%	1.0	203,791	571.4	3,017	8.4	29,300	20.9%	Link
MSB	Ngân hàng	13.0	-1.1%	1.1	40,560	290.6	1,729	7.5	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.7	-1.0%	0.8	91,810	271.7	6,519	7.5		14.8%	
TCB	Ngân hàng	34.2	-1.4%	1.1	242,349	289.5	3,112	11.0	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	-1.2%	1.2	47,714	76.7	2,358	7.3	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	57.9	-0.7%	0.7	483,794	134.9	4,202	13.8	73,200	21.3%	Link
VIB	Ngân hàng	18.4	-1.6%	0.8	62,464	549.1	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.7	-0.5%	1.2	235,638	683.3	2,603	11.4	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-0.9%	1.0	205,319	655.1	1,876	14.3	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	-0.9%	1.0	10,246	27.1	1,178	14.0	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.6	-1.3%	1.2	10,622	91.0	4,150	6.7	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.9	-0.4%	1.2	112,637	319.1	2,196	35.5	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	63.5	0.2%	0.6	132,712	212.6	4,160	15.3	64,500	50.4%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.5	-2.41%	1.2	9,400	71.7	2,411	17.6	22.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	157.3	-1.69%	0.9	26,788	115.4	3,620	43.5	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	55.6	6.92%	1.2	41,273	70.0	3,578	15.5	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.0	-2.68%	1.0	15,929	221.6	508	39.4	3.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.5	-1.07%	1.2	18,798	175.4	401	46.0	20.0%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	26.1	-2.79%	1.0	5,214	75.6	3,057	8.5	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.4	-2.41%	1.5	11,247	68.2	938	32.4	20.9%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.7	-2.33%	1.3	14,307	58.4	4,849	7.8	11.2%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.9	0.70%	1.1	17,394	50.4	2,143	16.7	45.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	54.8	-0.72%	1.3	13,268	23.7	5,474	10.0	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.4	-1.94%	1.1	5,463	10.1	1,763	17.2	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.1	-1.47%	1.5	18,333	55.1	801	25.1	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	152.7	6.93%	1.3	1,176,711	750.2	1,147	133.1	3.7%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	33.0	-2.51%	1.4	74,873	248.8	2,144	15.4	13.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.5	-0.68%	1.1	7,718	9.4	1,833	19.9	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	36.1	4.80%	0.8	45,805	140.1	2,090	17.3	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.9	-0.77%	1.1	14,369	200.9	1,602	16.1	8.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.1	-1.08%	1.3	11,123	22.5	1,262	25.4	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.4	-1.39%	1.8	18,707	58.1	1,672	17.0	4.9%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.4	2.19%	0.8	157,807	68.3	5,014	13.0	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.8	-1.66%	0.9	34,660	127.1	812	18.2	4.0%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.4	-1.25%	0.7	34,341	17.0	4,776	13.3	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	206.4	-0.53%	0.4	122,109	435.2	2,897	71.3	7.1%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	43.1	-4.22%	0.8	38,893	542.4	2,313	18.6	7.6%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	-2.46%	1.0	25,376	220.8	3,500	17.0	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.2	-1.17%	0.6	9,997	215.1	6,185	9.6	6.9%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.4	-2.65%	0.9	8,647	91.5	2,090	8.8	9.7%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	97.9	-1.41%	0.0	11,923	39.0	3,139	31.2	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.4	-2.40%	0.9	30,499	38.4	6,916	12.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.7	-0.54%	1.0	3,098	26.8	2,535	10.9	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.8	-1.05%	1.4	2,420	10.5	2,868	6.6	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.2	-0.22%	1.1	15,740	38.0	1,212	19.1	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.0	-1.64%	1.8	107,800	94.9	1,569	17.2	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.3	-1.98%	0.9	41,539	435.3	1,635	13.6	3.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	46.3	-3.74%	0.8	138,311	144.6	3,469	13.4	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.4	-0.35%	0.0	24,706	17.2	2,337	6.2	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.4	0.00%	1.0	33,022	13.1	1,460	8.5	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.8	-2.17%	0.9	7,049	60.7	571	27.6	4.9%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.7	-2.29%	1.3	7,375	51.4	2,829	9.8	3.8%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.0	-1.45%	0.7	10,322	57.8	1,715	19.8	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	53.2	6.83%	0.8	68,232	292.2	3,373	15.8	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.1	-1.23%	1.1	12,592	39.3	6,944	8.1	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	155.9	-2.62%	0.2	12,762	34.6	14,639	10.7	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.6	2.49%	1.1	8,784	87.3	6,560	13.2	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	85.5	-1.16%	1.2	9,780	37.1	5,128	16.7	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.7	-0.93%	1.1	4,304	23.1	3,037	14.1	5.4%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.7	1.38%	1.2	7,287	120.1	1,106	13.3	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.4	-3.03%	1.1	9,213	82.5	1,377	16.3	12.2%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.4	-0.81%	0.9	15,774	91.9	6,148	4.0	4.8%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.3	-1.93%	1.2	19,391	40.7	3,090	14.0	2.7%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>